Người ký: Phạm Thị Thúy
Ngày ký: 06/04/2026 11:15:00
Chức danh: Kế toán trưởng
Kho bạc Nhà nước giao dịch: KBNN Khu vực III-PGD số 5
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối chiếu xác nhận số dư

Mã chương: 822 **Mã hồ sơ: CSDP26-1040793** **Mẫu số 28**

Đơn vị: Trường tiểu học Tô Hiệu **Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐVDT**

Mã ĐVQHNS: 1040793

Mã cấp NS: 4

Kho bạc Nhà nước giao dịch: KBNN Khu vực III-PGD số 5

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 1 /Năm 2026

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn ngân sách nhà nước	Mã ngành kinh tế	Mã nội dung kinh tế	Mã chương trình mục tiêu, dự án	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Lương theo ngạch, bậc	13	072	6001	00000	0	0	1.508.598.596	1.508.598.596	1.508.598.596	1.508.598.596
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	13	072	6051	00000	0	0	99.432.274	99.432.274	99.432.274	99.432.274
Phụ cấp chức vụ	13	072	6101	00000	0	0	21.060.000	21.060.000	21.060.000	21.060.000
Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	13	072	6107	00000	0	0	468.000	468.000	468.000	468.000
Phụ cấp ưu đãi nghề	13	072	6112	00000	0	0	512.818.720	512.818.720	512.818.720	512.818.720
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	13	072	6113	00000	0	0	3.510.000	3.510.000	3.510.000	3.510.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	13	072	6115	00000	0	0	328.737.196	328.737.196	328.737.196	328.737.196
Bảo hiểm xã hội	13	072	6301	00000	0	0	341.851.462	341.851.462	341.851.462	341.851.462
Bảo hiểm y tế	13	072	6302	00000	0	0	58.603.109	58.603.109	58.603.109	58.603.109
Bảo hiểm thất nghiệp	13	072	6304	00000	0	0	19.534.369	19.534.369	19.534.369	19.534.369
Chi khác	13	072	6449	00000	0	0	11.653.200	11.653.200	11.653.200	11.653.200
Tiền điện	13	072	6501	00000	0	0	13.695.091	13.695.091	13.695.091	13.695.091

Tiền nước	13	072	6502	00000	0	0	22.848.624	22.848.624	22.848.624	22.848.624
Tiền vệ sinh, môi trường	13	072	6504	00000	0	0	13.824.000	13.824.000	13.824.000	13.824.000
Tiền khoán phương tiện theo chế độ	13	072	6505	00000	0	0	1.132.800	1.132.800	1.132.800	1.132.800
Vật tư văn phòng khác	13	072	6599	00000	0	0	7.133.704	7.133.704	7.133.704	7.133.704
Thuê bao kênh vệ tinh; thuê bao cáp truyền hình; cước phí Internet; thuê đường truyền mạng	13	072	6605	00000	0	0	3.343.000	3.343.000	3.343.000	3.343.000
Phụ cấp công tác phí	13	072	6702	00000	0	0	1.200.000	1.200.000	1.200.000	1.200.000
Tiền thuê phòng ngủ	13	072	6703	00000	0	0	1.650.000	1.650.000	1.650.000	1.650.000
Tài sản và thiết bị văn phòng	13	072	6913	00000	0	0	13.651.200	13.651.200	13.651.200	13.651.200
Chi mua hàng hóa, vật tư	13	072	7001	00000	0	0	7.059.420	7.059.420	7.059.420	7.059.420
Các thiết bị công nghệ thông tin	13	072	6912	00000	0	0	5.000.000	5.000.000	5.000.000	5.000.000
Chi các khoản khác	13	072	7799	00000	0	0	1.175.644	1.175.644	1.175.644	1.175.644
				Cộng:	0	0	2.997.980.409	2.997.980.409	2.997.980.409	2.997.980.409
Phần KBNN ghi:										

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 6 tháng 4 năm 2026

Kế toán | **Kiểm soát**

(Ký tên) | *(Ký tên, đóng dấu)*

Nguyễn Thị An

Người ký: Phạm Thị Thúy
Ngày ký: 06/04/2026 11:15:00
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Khu vực III-PGD số 5

Phạm Thị Thúy

ĐƠN VỊ GIAO DỊCH

Ngày 6 tháng 4 năm 2026

Kế toán trưởng | **Thủ trưởng đơn vị**

(Ký, ghi họ tên) | *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)*

Người ký: Nguyễn Thị Lương Duyên
Ngày ký: 06/04/2026 08:06:22
Đơn vị: Trường tiểu học Tô Hiệu

Nguyễn Thị Lương Duyên

Người ký: ĐẶNG THỊ KIM THANH
Ngày ký: 06/04/2026 08:16:06
Đơn vị: Trường tiểu học Tô Hiệu

ĐẶNG THỊ KIM THANH